

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 9 – 2020.

“Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thu Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Nghịch, ông Ngô Văn Tuyển.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện H, thành phố Hà Nội – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Đức D – Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ – Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Ngô Đình H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 13, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và anh Ngô Đình H quen biết, tìm hiểu và có nguyện vọng kết hôn với nhau. Chúng tôi kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/10/2016. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới lẫn nhau. Có lúc anh H còn đánh đập tôi. Mặc dù cả hai đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm, cố gắng nhường nhịn nhau để chung sống nhưng đều không có kết quả, hiện nay chúng tôi đã sống ly thân hơn hai năm nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức gay gắt, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Mục đích cơ bản của hôn nhân là hạnh phúc gia đình không đạt được. Vì vậy, tôi có nguyện vọng được ly hôn với anh Ngô Đình H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi không có con chung nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Đình H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Ngô Thị Thảo ông Nguyễn Đức Du không có ý kiến gì.

*\* Bị đơn anh Ngô Đình H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do nên không có văn bản trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung.*

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ngô Đình H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đối với anh Ngô Đình H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 13, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án và xác định chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, anh Ngô Đình H là bị đơn.

[1.2] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Đình H. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn”.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Đình H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/10/2016 nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, theo trình bày của chị T thì quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới, đánh đập lẫn nhau, chị T và anh H đã sống ly thân hơn hai năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Đình H đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, được thông báo về thời gian, địa điểm mở các phiên họp, phiên hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, có thể thấy anh H không còn mong muốn vợ chồng hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn trở về đoàn tụ. Từ đó xác định, chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Đình H không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc nên cần chấp nhận cho chị T và anh H được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T khai chị và anh Ngô Đình H không có con chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Chị Nguyễn Thị T khai chị và anh Ngô Đình H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**[1].**

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ngô Đình H.
- Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị T xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0009731 ngày 10/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Thu Hà**